

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03 -7-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Mỹ

Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Khánh N - sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 6, thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Thôn H, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn M - sinh năm 1982

Địa chỉ: Đội 6, thôn Prung, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Khánh N trình bày: bà và ông Nguyễn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011 ngày 13/7/2011. Từ sau khi kết hôn về sống chung ông M không quan tâm đến bà, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Đến tháng 9/2011, bà về nhà mẹ ruột sinh con, khi con bị bệnh ông M cũng không quan tâm, chăm sóc mẹ con bà. Bà cảm thấy chán nản và ở nhà mẹ ruột đến tháng 10/2015, do nghĩ rằng ông M đã thay đổi tính tình nên bà về lại nhà chồng, sống cùng ông M được 01 năm nhưng ông M cũng không có gì thay đổi. Tháng 12/2016 bà về nhà mẹ ruột sinh đứa con thứ hai và ở luôn cho tới nay, chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông M. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông M, cuộc sống không có hạnh phúc vì không được sự quan tâm, yêu thương chăm sóc nên không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà N xác định giữa bà và ông M có hai con chung là Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 14/12/2016, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung vì hiện nay hai con đang ở với bà; bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại bản tự khai ngày 31/5/2018, bị đơn ông Nguyễn M trình bày: về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông thừa nhận do tính của ông ít nói nên dẫn đến việc thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, mặc dù đã nhiều năm nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà N vì ông còn thương vợ thương con và ông hứa sẽ cố gắng thay đổi tính tình.

Về con chung: trường hợp ly hôn, ông M đồng ý giao hai con chung Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 14/12/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Khánh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn M; bị đơn ông M không đồng ý ly hôn; trường hợp ly hôn ông M đồng ý giao hai con chung Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H - sinh ngày 14/12/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung, bà N đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Khánh N và ông Nguyễn M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011; đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà N và ông M mặc dù không xảy ra mâu thuẫn gì lớn nhưng theo như hai bên trình bày thì mối quan hệ vợ chồng không có hạnh phúc, ông M không quan tâm, chăm sóc cho bà N. Bà N cũng đã cố gắng cho ông M cơ hội để thay đổi bản thân nhưng ông M không có thay đổi nào tích cực. Hai đương sự đã sống riêng từ năm 2016 kéo dài đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình thì yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị Khánh N đối với ông Nguyễn M là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị Khánh N và ông Nguyễn M có hai con chung là Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H - sinh ngày 14/12/2016. Bà N và ông M đều thống nhất giao hai con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

1.500.000 đồng cho mỗi con chung, bà N đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phan Thị Khánh N được ly hôn với ông Nguyễn M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Hoàng Gia H- sinh ngày 14/12/2016 cho bà Phan Thị Khánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn M cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết bà N và ông M có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Khánh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018775 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã D (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Ân